CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾ TOÁN MÔI TRƯỜNG HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG - NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Thị Thu Huyền* - ThS. Đặng Ngọc Huyền Trang**

Trong bối cảnh chuyển đổi xanh và phát triển bền vững, công bố thông tin kế toán môi trường (KTMT) ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong quản trị doanh nghiệp. Nghiên cứu này phân tích thực trạng công bố thông tin KTMT hướng tới phát triển bền vững (PTBV) tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thông qua phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của doanh nghiệp và các tài liệu công bố chính thức khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ công bố thông tin KTMT có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm doanh nghiệp; nội dung công bố còn mang tính mô tả, thiếu định lượng, chưa tích hợp với hệ thống kế toán và chưa đáp ứng yêu cầu PTBV. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, nhằm nâng cao chất lượng công bố thông tin KTMT hướng tới PTBV tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

• Từ khóa: *kế toán môi trường, công bố thông tin, phát triển bền vững, doanh nghiệp sản xuất.*

In the context of green transition and sustainable development, environmental accounting information disclosure is increasingly becoming an important aspect of corporate governance. This study analyzes the current state of environmental accounting information disclosure aimed at sustainable development in manufacturing enterprises in Thai Nguyen province through a qualitative research method, using secondary data from enterprise reports and other officially published documents. The research results show a clear differentiation in the level of environmental accounting information disclosure among sustainable development goals; the disclosed content is still descriptive, lacking quantification, not integrated with the accounting system, and does not meet the requirements of sustainable development. Based on this, the study proposes systematic solutions to improve the quality of environmental accounting information disclosure aimed at sustainable development in manufacturing enterprises in Thai Nguyen province.

• Key words: *environmental accounting, disclosure, sustainability, manufacturing enterprises.*

Ngày nhận bài: 17/01/2026
Ngày gửi phản biện: 26/3/2026
Ngày duyệt đăng: 10/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.11

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển bền vững (PTBV) trở thành xu hướng tất yếu, công bố thông tin kế toán môi trường (KTMT) đang chuyển từ tự nguyện sang bắt buộc. Các quy định như CSRD tại châu Âu và đề xuất của SEC tại Hoa Kỳ yêu cầu doanh nghiệp minh bạch hóa tác động môi trường, xã hội và quản trị, qua đó thúc đẩy điều chỉnh chiến lược theo hướng bền vững. Vì vậy, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng hệ thống dữ liệu, đặc biệt là ESG, và nâng cao năng lực báo cáo để đáp ứng yêu cầu tuân thủ và tăng tính minh bạch.

Tại Việt Nam, mặc dù hệ thống chuẩn mực KTMT chưa được ban hành đầy đủ, song các yêu cầu liên quan đến công bố thông tin môi trường đang dần được hoàn thiện trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cam kết PTBV. Trong xu thế đó, Thái Nguyên là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của khu vực phía Bắc, với cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa. Cụ thể, theo Niên giám thống kê năm 2023, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 59,3% GRDP của tỉnh, trong đó các ngành sản xuất điện tử, thép, dệt may... đóng vai trò chủ lực. Nhưng sự phát triển này cũng kéo theo những áp lực đáng kể đối với môi trường, đặc biệt là phát thải và tiêu thụ tài nguyên. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao chất lượng công bố thông tin KTMT hướng tới PTBV. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc công bố thông tin KTMT tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu tính hệ thống và chưa đáp ứng

** Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, email: nguyenhuyenqn@tueba.edu.vn*
*** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, email: dangngochuyentrang@tnut.edu.vn*

được yêu cầu minh bạch thông tin trong bối cảnh PTBV. Điều này đặt ra nhu cầu cần thiết cần nghiên cứu thực trạng công bố thông tin KTMT nhằm cung cấp bằng chứng thực tiễn và đề xuất giải pháp phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và các doanh nghiệp nói chung trong xu hướng hội nhập toàn cầu.

2. Tổng quan nghiên cứu

Quan điểm về KTMT tại một số quốc gia có thể khác nhau do phụ thuộc vào mức độ nhận thức về môi trường, quy định pháp lý, và ưu tiên của mỗi quốc gia. Theo USEPA (1995), KTMT là một công cụ hỗ trợ kế toán thu nhập quốc dân, kế toán tài chính và kế toán quản trị; IFAC (2005), kế toán môi là việc xác định, thu thập, phân tích và sử dụng hai loại thông tin để ra quyết định nội bộ: Thông tin vật lý về việc sử dụng năng lượng, nước và vật liệu; Thông tin tiền tệ về chi phí, thu nhập và tiết kiệm liên quan đến môi trường. Theo đó, tính tất yếu về việc trình bày và công bố thông tin KTMT hướng tới PTBV đã diễn ra từ những năm 1970 trên báo cáo trách nhiệm xã hội. Đến những năm 1990, dưới sự bùng nổ của nhu cầu bảo vệ môi trường, thì KTMT cũng dần được nhấn mạnh và quan tâm trong việc nỗ lực giải quyết các vấn đề về môi trường thông qua cung cấp đầy đủ thông tin cho các bên liên quan cùng với việc tự nguyện công bố các thông tin về kế toán xã hội và môi trường của các doanh nghiệp dưới hai khía cạnh thông tin định tính và thông tin định lượng.

Việc cung cấp thông tin KTMT không chỉ xuất phát từ nhu cầu quản trị nội bộ mà còn chịu tác động từ các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà đầu tư và tổ chức tài chính (Herzig và Tadeo, 2009; Staniskis và Stasiskiene, 2006; UNDSD, 2001). Do đó, thông tin môi trường cần đảm bảo tính minh bạch, thể hiện qua các tiêu chí như chính xác, kịp thời, đầy đủ, có thể so sánh và đáng tin cậy (GRI, 2011).

Theo thông lệ quốc tế, công bố thông tin KTMT cần tuân thủ các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và các khuôn khổ liên quan. Đặc biệt, Bộ Chuẩn mực Báo cáo phát triển bền vững quốc tế (IFRS S1, S2) đã thiết lập nền tảng toàn cầu cho công bố thông tin liên quan đến tính bền vững và khí hậu, yêu cầu thông tin phải nhất quán, có khả năng so sánh và gắn kết với báo cáo tài chính. Với phương pháp tiếp cận cơ sở toàn cầu, IFRS Sustainability Standards cung cấp cho các nhà đầu tư các công bố thông tin liên quan đến tính bền vững có thể so sánh được trên toàn thế giới, có khả năng làm thay đổi giá thị trường, mà không hạn chế các khu vực pháp lý yêu cầu công bố thông tin bổ sung. Do đó gia tăng sự tin tưởng vào các công bố thông tin của doanh nghiệp về tính bền vững. Ngoài ra, trong khuôn khổ Chương trình Nghị sự 2030, tất cả các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc đã thông qua mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) bao gồm 17 mục tiêu toàn cầu, trong đó đề cập đến một số mục tiêu về PTBV liên quan đến môi trường như SDG6, SDG7, SDG12, SDG13, SDG15.

Tại Việt Nam, việc công bố thông tin kế KTMT hướng tới phát triển bền vững được quy định trình bày trong nhiều báo cáo mang tính bắt buộc và báo cáo tự nguyện như: báo cáo tài chính, báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững. Các báo cáo sau khi được lập có thể được công bố trên các phương tiện truyền thông khác nhau nhằm đảm bảo tính minh bạch và giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông tin như: trang web chính thức của doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông (báo chí và tạp chí chuyên ngành, trang thông tin điện tử, hội thảo và sự kiện), hay thư trực tiếp đến các bên liên quan…

3. Thực trạng công bố thông tin kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn Thái Nguyên

Tính đến năm 2024, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 2.158 doanh nghiệp sản xuất đang hoạt động, chiếm 43,85% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh. Trong đó, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 tăng 6,22% so với năm 2023; riêng khu vực công nghiệp đạt 82.429 tỷ đồng, chiếm 50,75% GRDP toàn tỉnh. Đáng chú ý, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,88%, cho thấy động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực sản xuất. Điều này khẳng định vai trò trung tâm của các doanh nghiệp sản xuất trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh (Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2024).

Sơ đồ 3.1: Mức độ công bố thông tin kế toán môi trường

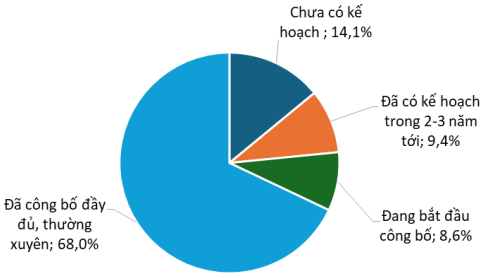

Nguồn: Tác giả khảo sát

Qua kết quả khảo sát 128 doanh nghiệp sản xuất quy mô vừa và nhỏ, quy mô lớn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy mức độ công bố thông tin kế toán môi trường được thể hiện qua Sơ đồ 3.1.

Theo kết quả khảo sát số lượng các doanh nghiệp chưa có kế hoạch công bố thông tin liên quan đến KTMT chiếm tỷ lệ 14.06% chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, còn 9.38% đã có kế hoạch công bố thông tin KTMT trong 2 đến 3 năm tới và 8.95% doanh nghiệp đang bắt đầu công bố thông tin KTMT chủ yếu là những doanh nghiệp đang mở rộng quy mô sản xuất. Số lượng các doanh nghiệp đã công bố đầy đủ và thường xuyên chiếm tỷ lệ cao nhất là 67.97%. Tuy nhiên, nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn chất lượng và giá trị thông tin được công bố, nghiên cứu tiếp tục khảo sát các doanh nghiệp sản xuất để xem xét mức độ định hướng cũng như mức độ gắn kết của thông tin KTMT với các mục tiêu PTBV. Cách tiếp cận này cho phép không chỉ nhận diện phạm vi công bố thông tin mà còn làm rõ bản chất và vai trò của thông tin KTMT trong việc hỗ trợ thực hiện các mục tiêu PTBV của doanh nghiệp.

Sơ đồ 3.2: Thống kê số lượng doanh nghiệp công bố thông tin hướng tới PTBV

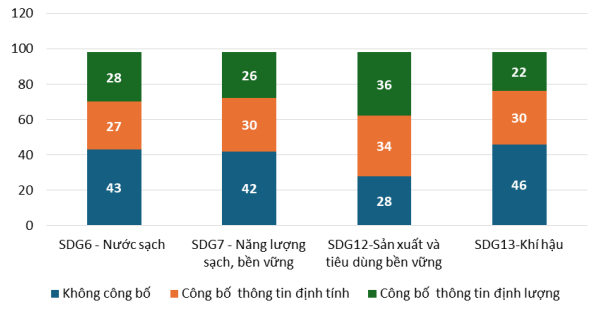

Nguồn: Tác giả khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy việc công bố thông tin KTMT theo các mục tiêu PTBV (SDGs) chưa thực sự đồng đều và chưa mang tính hệ thống. Cụ thể: Tỷ lệ không công bố chiếm tỷ trọng cao ở hầu hết các mục tiêu (dao động từ 28 đến 46 doanh nghiệp). Điều này phản ánh hạn chế trong việc áp dụng KTMT tại các doanh nghiệp cũng như mức độ tiếp cận PTBV chưa đồng nhất giữa các mục tiêu; Sự khác biệt trong số lượng công bố định tính và định lượng giữa các mục tiêu và xu hướng chuyển từ định tính sang định lượng chưa thực sự rõ rệt. Nguyên nhân chủ yếu là các doanh nghiệp chưa xây dựng được hệ thống đo lường và lượng hóa thông tin KTMT một cách đầy đủ. Điều này cho thấy việc công bố thông tin KTMT mới dừng lại ở mức độ phân tán, chưa đồng bộ và chưa hoàn toàn định hướng theo PTBV. Mặt khác, SDG12 và SDG13 có mức độ công bố trái ngược nhau về số lượng doanh nghiệp không công bố và công bố định lượng. Điều này cho thấy các doanh nghiệp ưu tiên công bố các nội dung liên quan trực tiếp với hoạt động sản xuất, trong khi các nội dung liên quan đến phát thải khí nhà kính và biến đổi khí hậu đòi hỏi hệ thống đo lường phức tạp hơn, dẫn đến mức độ công bố còn hạn chế.

Thực trạng các kênh công bố thông tin kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được thể hiện cụ thể qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.3: Thực trạng các kênh công bố thông tin kế toán môi trường

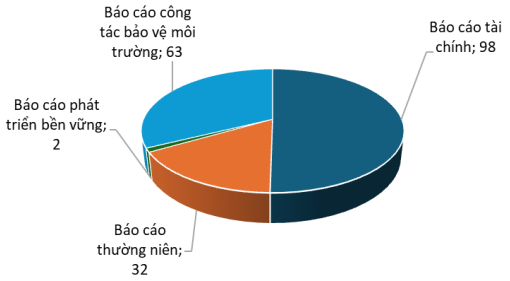

Nguồn: Tác giả khảo sát

Sơ đồ 3.3 cho thấy thông tin KTMT tại các doanh nghiệp sản xuất được công bố thông qua nhiều kênh khác nhau, tuy nhiên mức độ sử dụng các kênh công bố có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể:

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường: đây là loại báo cáo mang tính bắt buộc đối với các doanh nghiệp thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường hoặc thực hiện đăng ký môi trường. Theo kết quả khảo sát có 63 doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin KTMT trên báo cáo công tác bảo vệ môi trường nhưng một số doanh nghiệp còn nhiều gặp khó khăn do các doanh nghiệp không theo dõi/không đủ điều kiện theo dõi các thông tin phi tài chính môi trường nên không tập hợp đủ các chỉ tiêu về tổng nhiên liệu, điện, nước, khí thải, khối lượng chất thải, tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải… Điều này cho thấy việc công bố thông tin KTMT chưa được tiếp cận theo hướng quản trị, mà chủ yếu dừng lại ở việc đáp ứng yêu cầu pháp lý.

- Báo cáo tài chính: đây là kênh công bố thông tin tài chính KTMT phổ biến nhất tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và các doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, do mẫu Báo cáo tài chính hiện nay chưa có các chỉ tiêu trình bày

riêng về thông tin KTMT nên các thông tin về tài sản môi trường, chi phí môi trường, thu nhập môi trường, nợ phải trả môi trường bị ẩn trong các chỉ tiêu có sẵn trên Báo cáo tài chính (Tài sản cố định, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác...) nên thông tin môi trường không được nhận diện một cách chi tiết và cụ thể. Ngoài ra, các thông tin phi tài chính môi trường không được phản ánh trên báo cáo tài chính nên việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm gặp nhiều khó khăn. Do đó, thông tin KTMT trên báo cáo tài chính có mức độ công bố cao nhất, nhưng vai trò của báo cáo tài chính trong việc phản ánh thông tin KTMT theo định hướng phát triển bền vững vẫn còn hạn chế.

- Báo cáo thường niên: theo kết quả khảo sát có 32 doanh nghiệp sản xuất tiến hành công bố thông tin KTMT trên Báo cáo thường niên. Tuy nhiên, phần lớn các thông tin về KTMT được phản ánh trên Báo cáo thường niên chủ yếu mang tính định tính như:

- Tác động lên môi trường:

+ Tổng khí phát thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: *Không đáng kể*

- Quản lý nguồn nguyên liệu:

+ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói: *theo định mức được đề ra.*

+ Báo cáo tỷ lệ phần trăm vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp: Không có dữ liệu và để trống thông tin.

- Tiêu thụ năng lượng (điện, nước):

+ Không phản ánh số lượng mà phản ánh đơn vị mua dịch vụ điện: *Công ty điện lực; Nguồn nước được cấp phép…*

+ Phản ánh số lượng: chỉ ở mức kê khai số lượng mà không tiến hành so sánh, phân tích hoặc trình bày nguyên nhân của sự tiết kiệm/lãng phí

Bên cạnh đó cũng có những doanh nghiệp thực hiện cung cấp thông tin môi trường trên Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và Báo cáo PTBV chi tiết và đầy đủ:

Bảng 3.1: Báo cáo tác động liên quan đến môi trường Công ty cổ phần phụ tùng máy số 1 năm 2025

Chỉ tiêu	Báo cáo chi tiết
1. Tác động lên môi trường	- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp 15.515 tấn CO2 - Sáng kế giảm thiểu phát thải khí nhà kính: cải tiến công nghệ nhằm tiết kiệm điện năng và nhiên liệu; tối ưu hóa quy trình sản xuất, tăng cường các hoạt động tái sử dụng và tái chế để hạn chế chất thải.
2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu	- Tổng lượng NVL: 9.730 tấn chủ yếu là gang và thép. - Tỷ lệ % nguyên liệu được tái chế: ước đạt khoảng 15%-17% tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng.
3. Tiêu thụ năng lượng	- Điện năng tiêu thụ 22.976.417 kWh. - Sáng chế: tăng cường sử dụng ánh sáng tự nhiên, thay thế các thiết bị chiếu sáng hiệu suất thấp, kiểm soát rò rỉ khí nén trong hệ thống sản xuất, lắp đặt hệ thống thu hồi khí nóng của máy nén khí.
4. Tiêu thụ nước	- Nguồn nước giếng khoan và nước máy sử dụng trong việc xử lý bề mặt với tổng lượng nước hơn 33.563m3. - Lượng nước được tái chế và tái sử dụng tại Công ty là 3.008 m^3, tương đương khoảng 8,96% tổng lượng nước tiêu thụ trong năm.
5. Tuân thủ pháp luật về BVMT	- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có

Nguồn: Trích Báo cáo thường niên năm 2025 - FUTU1

- Đối với báo cáo PTBV: Đây là kênh công bố có khả năng phản ánh toàn diện nhất các nội dung liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị. Tuy nhiên báo cáo này vẫn dựa trên nguyên tắc tự nguyện, nên theo kết quả khảo sát chỉ có 2 doanh nghiệp tiến hành thực hiện: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG và Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên - Tập đoàn Samsung Hàn Quốc (Samsung group). Kết quả cho thấy các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự quan tâm đến việc công bố thông tin theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế về PTBV. Điều này đồng nghĩa với việc thông tin KTMT chưa được đặt trong mối liên hệ với các mục tiêu PTBV. Một số thông tin KTMT hướng tới PTBV tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG năm 2023:

Bảng 3.2: Quản lý nguồn nguyên vật liệu tại công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG

Nguyên liệu đầu vào chính

TT	Nguyên liệu	ĐVT	Khối lượng trung bình năm		
			NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1	Vải các loại	Yard	60.263.662	72.302.583	74.326.598
2	Bông các loại	Yard	6.274.926	6.606.847	6.193.876
3	Chỉ các loại	Cuộn	2.642.149	3.037.936	3.060.462
4	Cúc các loại	Chiếc	91.543.639	104.017.344	106.872.024
5	Khóa các loại	Chiếc	56.738.490	65.896.822	61.785.285
6	Túi các loại	Chiếc	17.980.772	22.574.622	25.210.503
7	Thùng các loại	Chiếc	2.439.905	3.163.395	3.086.231

Phế phẩm TNG thu gom và chuyển giao phế liệu cho đơn vị khác tái chế

TT	Tên vật tư	ĐVT	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1	Giẻ vụn	Kg			
2	Bông vụ	Kg			
3	Vải thừa	Kg	363.000	363.000	3.517.114
4	Nilon	Kg			
5	Chỉ dệt	Kg			

NHIÊN LIỆU

Bảng thống kê nhiên liệu sử dụng

TT	Nhiên liệu sử dụng	ĐVT	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1	Điện	1.000 Kwh	21.915.354	27.532.043	31.165.021
2	Ga hóa lỏng LPG	Kg	334.310	391.820	308.086
3	Dầu DO phục vụ máy phát điện	Lít	29.196	10.498	24.418
4	Than	Tấn	2.730	1.963	1.833
5	Xăng	Lít	15.194	17.731	22.421

Nguồn: Trích Báo cáo PTBV 2023 - Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TNG

Sơ đồ 3.4: Sơ đồ kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững



Nguồn: Trích Báo cáo PTBV 2023 - Công ty cổ phần thương mại và đầu tư TNG

Trong những năm vừa qua công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG thực hiện chiến lược Chuyển đổi Xanh trên nền tảng công nghệ số, hướng tới "Sản xuất Xanh - Tiêu dùng Xanh", điều này thể hiện sự nỗ lực mạnh mẽ hơn trên con đường PTBV gắn liền các mục tiêu phát triển kinh tế. Đặc biệt, trong năm 2024, Công ty đã công bố 5 xu hướng PTBV, trong đó nhấn mạnh yêu cầu "đẩy nhanh công bố các thông tin về môi trường". Nội dung này được đặt trong bối cảnh gắn với các quy định và định hướng quốc tế, tiêu biểu là Chỉ thị Báo cáo PTBV doanh nghiệp (CSRD) và các yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ (SEC).

Hay các công ty thuộc Tập đoàn Sam Sung như Công ty Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên, thể hiện mức độ công bố thông tin cao và nhanh chóng tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Theo Báo cáo PTBV Samsung năm 2023, tỷ lệ tái chế chất thải đạt khoảng 96%, mức giảm cường độ phát thải khí nhà kính đạt 31% so với năm 2022 và 100% cơ sở sản xuất đạt chứng nhận ISO 14001. Những số liệu này cho thấy doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đo lường và công bố thông tin môi trường tương đối hoàn chỉnh, đồng thời tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược phát triển.

4. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu phản ánh xu hướng công bố thông tin KTMT hướng tới PTBV của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là ưu tiên công bố thông tin thông qua các báo cáo mang tính bắt buộc theo quy định pháp luật, trong khi các kênh công bố mang tính tự nguyện và định hướng chiến lược chưa được quan tâm đúng mức. Nghiên cứu phân tích thực trạng công bố thông tin kế KTMT tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên dưới góc độ mức độ công bố, nội dung công bố và mức độ gắn kết với mục tiêu PTBV. Kết quả cho thấy, mặc dù các doanh nghiệp đã bước đầu thực hiện công bố thông tin KTMT, song mức độ công bố còn chưa đồng đều và chủ yếu tập trung vào các kênh mang tính bắt buộc như báo cáo tài chính và báo cáo công tác bảo vệ môi trường. Các kênh công bố mang tính tự nguyện và định hướng chiến lược như báo cáo PTBV còn rất hạn chế.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc công bố thông tin KTMT hiện nay còn mang tính phân tán, thiếu tính liên kết giữa các loại báo cáo và chưa được tích hợp trong một hệ thống thông tin thống nhất. Điều này phản ánh khoảng cách đáng kể giữa thực tiễn công bố thông tin KTMT và yêu cầu của PTBV, khi mà thông tin chưa thực sự đóng vai trò là công cụ hỗ trợ quản trị và ra quyết định theo định hướng bền vững.

Do đó, các doanh nghiệp cần chuyển từ cách tiếp cận công bố thông tin mang tính tuân thủ sang cách tiếp cận mang tính chiến lược, trong đó thông tin KTMT được xem là một công cụ hỗ trợ quản trị và ra quyết định. Cụ thể, doanh nghiệp cần tăng cường xây dựng hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu môi trường nhằm đảm bảo khả năng đo lường, lượng hóa các chỉ tiêu môi trường, đặc biệt là các chỉ tiêu liên quan đến phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng và tài nguyên. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần từng bước tích hợp thông tin KTMT vào các báo cáo tổng hợp như báo cáo thường niên và báo cáo PTBV, đảm bảo sự liên kết giữa thông tin tài chính và phi tài chính. Việc áp dụng các chuẩn mực và hướng dẫn quốc tế về báo cáo bền vững cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng so sánh của thông tin.

Ngoài ra, cơ quan quản lý Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến công bố thông tin KTMT theo hướng tiệm cận với thông lệ quốc tế, trong đó từng bước chuyển từ khuyến khích sang yêu cầu bắt buộc đối với một số nội dung công bố quan trọng. Đồng thời, cần ban hành các hướng dẫn cụ thể về nội dung, phương pháp đo lường và trình bày thông tin KTMT nhằm đảm bảo tính thống nhất trong thực hiện cũng như từng bước hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Bennett, M., Rikhardsson, P., & Schaltegger, S. (2003), "Adopting environmental management accounting: EMA as a value adding activity". In M. Bennett, P. Rikhardsson, & S. Schaltegger (Eds.), Environmental Management Accounting - Purpose and Progress, Kluwer Academic, Dordrecht.

Burritt, R. L., Hahn, T., & Schaltegger, S. (2002), "Towards a comprehensive framework for environmental management accounting - links between business actors and environmental management accounting tools", Australian Accounting Review, 12(2).

Chang (2013), Imagery fluency and Narrative Advertising, National Chengchi University Effects, Journal of Advertising

Deegan, C. M., & Deegan, C. M. (2003), "Environmental management accounting: An introduction and case studies for Australia", Institute of Chartered Accountants in Australia.

IFAC (2005), International Guidelines on Environmental anagement Accounting (EMA), New York: International Federation of Accountants.

Lâm Thị Trúc Linh (2019), Các nhân tố tác động đến việc công bố thông tin kế toán môi trường tại các doanh nghiệp nuôi trồng thuỷ sản Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế kinh tế, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Chí Quang (2003), Cơ sở hạch toán môi trường doanh nghiệp, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

Phạm Đức Hiếu và Trần Thị Hồng Mai (2012), Kế toán môi trường trong doanh nghiệp, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Quốc hội (2020), Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Hà Nội

UNDSD (2001), Environmental management accounting: procedures and principals, United Nation Divison for Sustainable Development: Expert Working Group, New York.